

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07- 11-2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Khánh Vân
2. Ông Đinh Văn Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019; QĐ hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST- HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tạm trú: Tổ 01, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T; địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 25/3/2019; bản tự khai ngày 11/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2019 và quá trình giải quyết nguyên đơn chị L khai:

Chị và anh T kết hôn ngày 13/3/2002 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T thường xuyên uống rượu say, hay chửi đánh chị. Trong cuộc sống thường ngày anh T không giúp đỡ được gia đình, đến khi con trai của anh chị không may bị tai nạn anh T không có trách nhiệm trong việc điều trị cho

con. Chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, chị đã sống ly thân với anh T từ đầu năm 2019 và thuê nhà đi ở riêng cùng các con. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L trình bày chị và anh T có hai con chung là cháu Dương Thị Thùy L, sinh ngày 25/12/2002; cháu Dương Văn N, sinh ngày 18/3/2005. Ly hôn chị xin được là người trực tiếp nuôi cả hai cháu L và N. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N theo mức 800.000đ/1 tháng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu L.

Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản lấy khai ngày 08/8/2019 và quá trình giải quyết anh T trình bày: Anh xác nhận thời gian vợ chồng anh đăng ký kết hôn và qua trình vợ chồng chung sống và xảy ra mâu thuẫn như chị L khai là đúng. Anh T cho rằng việc chị L muốn ly hôn anh là do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác, tuy nhiên anh không có chứng cứ về việc chị L ngoại tình và cũng không biết chị L ngoại tình với ai, chị L quản lý kinh tế nhưng chi tiêu, làm gì anh không biết. Sau khi con trai của anh chị bị tai nạn, kinh tế gặp khó khăn, nên anh đã chán nản và có uống rượu, vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau. Bản thân anh cũng không muốn chung sống cùng với chị L, nhưng do hiện nay con trai của anh bị tai nạn chưa chữa khỏi, nên anh chưa muốn ly hôn với chị L vào thời điểm này. Vì thế anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị L có hai con chung là cháu L và cháu N, ly hôn anh đồng ý để cho chị L là người trực tiếp nuôi các con. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N theo mức 800.000đ/1 tháng theo như thỏa thuận với chị L.

Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên toà:

- Chị L giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn với anh T và nuôi con chung; Tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Anh T giữ nguyên quan điểm: Không nhất trí ly hôn, nhất trí với ý kiến của chị L về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, do anh T hay uống rượu chửi mắng và đánh chị L. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, chị L có đơn xin ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án thành phố Hà Giang xử cho chị L được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Dương Thị Thùy L, sinh ngày 25/12/2002; cháu Dương Văn N sinh ngày 18/3/2005. Ly hôn chị L và anh T tự thỏa thuận để chị L là người trực tiếp nuôi cháu L và cháu Ngọc và anh T cấp dưỡng nuôi cháu N theo mức 800.000đ/1 tháng. Do chị L và anh T cùng thỏa thuận được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên cần công nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án chị L chịu án phí ly hôn, anh T chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn T cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, chị L có đơn khởi kiện xin Ly hôn đối với anh T. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 - Luật HN và GD năm 2014.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu xin ly hôn:

Chị L và anh T đăng ký kết hôn ngày ngày 13/3/2012, tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Lý do chị L xin ly hôn là do trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm không cùng nhau, hay xảy ra xô sát, anh T nhiều lần uống rượu say và có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Hiện tại vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Anh T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, như chị L khai, nhưng anh không nhất trí ly hôn với lý do hiện nay con anh đang bị bệnh chưa chữa khỏi và do chị L có quan hệ ngoại tình là không có cơ sở. Bởi lẽ, quá trình vợ chồng anh chị chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, có hành vi bạo lực gia đình, anh T không trách nhiệm với gia đình vợ con, việc anh T cho rằng chị L có quan hệ ngoại tình nhưng lại không xác định được chị L ngoại tình với ai là không căn cứ để xem xét; lý do anh không nhất trí ly hôn vì còn phải chữa bệnh cho con là không phù hợp, do trong quá trình chữa bệnh và chăm sóc cháu N từ khi xảy ra tai nạn đến nay đều do chị L thực hiện. Tại Điều 19 - LHNGĐ có quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, hai người sống ly thân, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Bản thân anh T xác nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhưng lại không đưa ra được cách giải quyết khắc phục mâu thuẫn. Theo các biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 29/8/2019; 11/9/2019; 07/10/2019 của nơi cư trú và Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em, có căn cứ xác định tình cảm giữa chị L và anh T có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L.

[3.2]. Về con chung: Chị L và anh T cùng xác nhận có hai con chung là cháu Dương Thị Thùy L, sinh ngày 25/12/2002; cháu Dương Văn N sinh ngày 18/3/2005. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L và anh T cùng nhất trí thỏa thuận giao cho chị L là người trực tiếp nuôi cả hai cháu L và N. Anh T cấp dưỡng nuôi cháu N theo mức 800.000đ/1 tháng. Xét việc thỏa thuận của chị L và anh T là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu L, phù hợp với điều kiện bệnh tật của cháu N hiện nay và đúng với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[3,3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án chị L phải chịu án phí Ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
 - Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Dương Văn T.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Thê giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Thùy L, sinh ngày 25/12/2002 và cháu Dương Văn N sinh ngày 18/3/2005 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Thê cấp dưỡng nuôi cháu N theo mức 800.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử vụ án ngày 07/11/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị L là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về Án phí: Chị L chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc biên lai số 0003350 ngày 04 tháng 4 năm 2019. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị L, anh Thê biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố HG;
- Các đương sự;
- CC THADS TP HG;
- UBND TT T
- H. B, T Vĩnh Phúc;
- Lưu HS - Lưu bộ phận .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình